

Số: 7908/1999/QĐ-UB-CNN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 1999

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND THÀNH PHỐ**  
**Về phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước**  
**để sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu năm 1999.**  
\*\*\*\*\*

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 21 tháng 6 năm 1994 ;
- Căn cứ Quyết định số 65/1998/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và nhập khẩu nguyên liệu gỗ, lâm sản và Quyết định số 136/1998/QĐ-TTg ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số quy định thủ tục xuất khẩu sản phẩm gỗ, lâm sản và Thông tư số 122/1999/TT-BNN-PTLN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ;
- Theo Công văn số 4030/BNN-PTLN ngày 04 tháng 11 năm 1999 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về giao hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước để sản xuất hàng gỗ mỹ nghệ xuất khẩu năm 1999 cho thành phố Hồ Chí Minh ;
- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố tại Tờ trình số 1353/TT-NN/LN ngày 07 tháng 12 năm 1999 ;

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.-** Nay phân bổ hạn mức gỗ rừng tự nhiên trong nước để sản xuất sản phẩm gỗ mỹ nghệ xuất khẩu năm 1999 cho 35 doanh nghiệp theo danh sách đính kèm.

Tổng hạn mức gỗ phân bổ là 10.395m<sup>3</sup> (trong đó có 2.430m<sup>3</sup> gỗ nhóm 1 và nhóm 2).

**Điều 2.-** Căn cứ danh sách kèm theo quyết định này, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố cấp phiếu phân bổ gỗ cho từng doanh nghiệp. Khối lượng hạn mức gỗ còn lại 3.605m<sup>3</sup> (trong đó có 170m<sup>3</sup> gỗ nhóm 1 và 2) giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố điều tiết cấp phiếu phân bổ khi các doanh nghiệp có nhu cầu.

**Điều 3.-** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc các doanh nghiệp có tên theo danh sách đính kèm tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

***Nơi nhận :***

- Như điều 3
- TTUB : CT, PCT/TT, TM
- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- VPUB : PVP/KT
- Tổ CNN, TM
- Lưu

**T/M ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ  
K/T CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Lê Thanh Hải**

**DANH SÁCH**  
**CÁC DOANH NGHIỆP ĐƯỢC CẤP HẠN MỨC GỖ RỪNG TỰ NHIÊN**  
**TRONG NƯỚC NĂM 1999 ĐỀ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM**  
**GỖ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ.**

\*\*\*\*\*

(Kèm theo Quyết định số 7908 /1999/QĐ-UB-CNN  
 ngày 23 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban nhân dân thành phố)

T T	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ văn phòng	Khối lượng hạn mức được cấp		Ghi chú
			Tổng (m <sup>3</sup> qui tròn)	Trong đó nhóm 1 nhóm 2	
<b>I. Doanh nghiệp Nhà nước :</b>					
01	Công ty Lâm sản thành phố (Forimex).	51 B1 Nguyễn Oanh, Gò Vấp.	600	200	
02	Công ty Kinh doanh SX Sài Gòn Daklak (Sadaco)	200Bis Lý Chính Thắng, quận 3.	600	100	
03	Công ty Xuất-nhập khẩu NLHS (Agrimexco)	176 Hai Bà Trưng, Q.1	500		
04	Công ty xuất khẩu hàng TTCN (Artex Sài Gòn)	161 Đồng Khởi, quận 1	100	10	
05	XN Chế biến Nông-lâm sản cung ứng xuất khẩu (Afpex)	Tân Chánh Hiệp, quận 12	700	300	
06	Cty VYFACO (TNXP)	86 Tân Đà, quận 5	600	150	
07	Xí nghiệp đồ gỗ xuất khẩu (Wood prodex)	194 Nguyễn Công Trứ, quận 1	200	80	
08	Cty Mỹ nghệ tổng hợp xuất khẩu (Hartexco)	139 Hai Bà Trưng, quận 1.	100	50	
09	Công ty Mỹ thuật TP	139 Pasteur, quận 1	150	50	
10	Cty Thương mại XNK Thủ Đức (Timexco)	191 Quang Trung, quận 9	200		
11	Công ty Savimex	194 Nguyễn Công Trứ, quận 1.	150		
<b>II. Liên doanh có vốn nước ngoài :</b>					
12	Cty Liên doanh Sài Gòn Mobilier (SMI)	26/2 Lam Sơn, Bình Thạnh	400	50	
<b>III. Doanh nghiệp ngoài quốc doanh :</b>					
13	Cty Kỹ nghệ gỗ Việt Phong (VIF)	13/1 Quốc lộ 1 Linh Xuân, Thủ Đức.	300		
14	Xí nghiệp tư doanh Thành Mỹ (Thamyco)	80 Nguyễn Thái Sơn, Gò Vấp	100	25	
15	Hợp tác xã Trường Mỹ	33B Nguyễn Đình Chiểu, quận 1.	50	20	

16	Doanh nghiệp tư nhân Đại Lợi	32/2 Nguyễn Văn Lương, Gò Vấp	300	200	
17	Công ty TNHH Suối Tiên	149B Nguyễn Duy Dương, quận 10	50	20	
18	Hợp tác xã 8/3	318A Nguyễn Thiện Thuật, quận 3	300	50	
19	Công ty Bảo Liêm	72 Nguyễn Cư Trinh, Q.1	300	150	
20	Doanh nghiệp tư nhân Nam Ly	52/3B Bà Điểm, Hóc Môn	300	100	
21	Công ty Thái Hòa Long	K82 Hàng Sao, TCH Q12	300	200	
22	Doanh nghiệp tư nhân Nhơn Hà	7/2B Quang Trung, Gò Vấp	300	50	
23	Doanh nghiệp tư nhân Hồng Mộc	59/2A Bà Điểm, Hóc Môn	450	300	
24	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nghệ Xương	184 Hùng Vương, An Lạc, Bình Chánh	50	30	
25	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Nội Duệ	100/2B Linh Trung, Thủ Đức.	400		
26	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tân Thành	17/9 Hiệp Bình Phước, Thủ Đức.	600	100	
27	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Âu Việt	369 An Dương Vương, quận 5.	100		
28	Doanh nghiệp tư nhân Phi Long.	138A Tô Hiến Thành, quận 10.	100		
29	Doanh nghiệp tư nhân Phương Hùng	258 Trần Hưng Đạo, quận 1.	100	20	
30	Hợp tác xã Sơn Mai Song Long.	48/5 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp.	100		
31	Công ty Phong Lan	101 Tạ Uyên, quận 5	300	150	
32	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Uy Minh	A4/27 Quốc lộ 1, Tân Tạo, Bình Chánh.	600		
33	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Phước Thúy	6/3 Kha Vạn Cân, Linh Trung, Thủ Đức.	150		
34	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xây dựng Kiến trúc AA.	117 Lý Chính Thắng, quận 3.	600		
35	INIENVINACO	228/2 Ấp 2 Xuân Thới Sơn, Hóc Môn.	245	25	
<b>Tổng cộng</b>			<b>10.395</b>	<b>2.430</b>	
<b>Dự phòng</b>			<b>3.605</b>	<b>170</b>	

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**